

Họ và tên: Nguyễn Long Nhật

Lớp: K39C Ngày làm bệnh án: 15/03/2021

## BỆNH ÁN LAO

Dr. Laris

I. Hỏi bệnh

1. Hành chính

Họ và tên: HOÀNG VĂN VĨNH Tuổi: 71

Giới: Nam Nghề nghiệp: Lâm nông

Địa chỉ: Xã Thụy Sơn, An Lão, Hải Phòng

BHYT có Điện thoại: 0358 937 489

Vào viện: 15h22' ngày 08/03/2021

2. Lý do vào viện: Bệnh viện Kiên An chuyển đến do Lao

3. Bệnh sử:

Khoảng 2 tuần trước khi vào viện, B.N xuất hiện ho khan tự nhiên, ho thúng thảng. B.N cảm giác gai rét nhẹ về chiều, nhiệt độ cơ thể cao nhất  $\sim 38^{\circ}\text{C}$ . B.N thấy chán ăn, cân nặng sau 2 tuần giảm 1 kg. Kèm theo đó B.N thấy tức nhẹ vùng liên bả cột sống. Ngồi dậy B.N không đại tiểu tiện bất thường.

B.N sau đó đến khám tại bệnh viện Kiên An, được chụp Xquang ngực thẳng và làm xét nghiệm đờm soi trực tiếp có AFB (+). Được chuyển sang bệnh viện phổi Hải Phòng điều trị lao bằng thuốc R.H.Z.E.

Hiện tại sau 7 ngày điều trị, B.N ho ít hơn trước, ho chủ yếu về sáng sớm, ho khan. B.N không còn sốt, ăn uống tốt hơn, vẫn còn cảm giác tức ngực nhẹ vùng liên bả cột sống.

4. Tiền sử:

- Bản thân: Chưa từng được chẩn đoán mắc lao. Không có các bệnh lý mạn tính như tăng huyết áp, đái tháo đường.

Mổ cắt dạ dày 8 năm trước 1 phần.

Chưa phát hiện yếu tố dịch tễ liên quan covid.



- Gia đình: không có người mắc lao

Dr. Louis

## II. Khám bệnh:

### 1. Toàn thân:

B.N tỉnh, tiếp xúc tốt M. 86 l/p  
Da xanh, niêm mạc nhợt nhạt HA. 100/60 mm.Hg  
Môi khô, lưỡi bẩn, hơi thở hôi  $T^{\circ} 36,9^{\circ}C$  (19h)  
Không phù, không xuất huyết da  
Cân nặng 37 kg  
BMI 17,8

Hạch ngoại vi không bất thường

### 2. Cơ quan:

- Hô hấp: Lòng ngực & bên Cân đối, di động đều theo nhịp thở

Ri-rô, phế nang rõ

Ran ẩm rải rác & khu phổi

- Tuần hoàn: Mỏm tim đập KLS. V trường giữa  
còn (T)

T<sub>1</sub>, T<sub>2</sub> đều rõ

Chưa phát hiện tiếng tim bệnh lý

- Tiêu hóa: Bụng mềm, không chướng

Sẹo mổ cũ trường tăng giữa tiền lớn ~ 5 cm

Gan, lách không sờ thấy

- Thận - Tiết niệu: Chạm thận? bập bênh thận (-)

Ấn điểm niệu quản tiền, giữa không đau

- Thần kinh: Không liệt TK khu trú

Hội chứng màng não (-)

Đại tiểu tiện tự chủ

- Cơ-xương-khớp: Vận động trong giới hạn bình thường

## III. Cận lâm sàng

- Công thức máu (08/09): HC 3.77.T/L, Hb 10.2 g/dL

Hct 33%, MCH 27 pg, MCHC 30 g/dL, MCV 87.6 fl

BC 9.28 G/L, NEU 78.5%, LYM 17.6%

- X-quang ngực thẳng (tại bệnh viện Kiên An): Hình ảnh



đám mờ rải rác 2 phổi.

Dr. Louis

- A.F.B. đàm Sợi tước tiếp (09/09): (-)

Gen X-pert đàm (09/09): MTB (+) / RMP (-)

Quantiferon-TB (10/09): (+)

- Hoá Sinh: AST/ALT 30/40 U/L

Ure/Cr 6.2 mmol/l / 6.8 umol/l

protein<sub>tp</sub>/Albumin 5.7/2.3 g/l

Na<sup>+</sup>/K<sup>+</sup>/Cl<sup>-</sup> 131.8 / 3.95 / 101.9 mmol/l

IV. Biện luận và chẩn đoán:

1. Tóm tắt:

B.N nam 71 tuổi vào vùn do lao chuyên đầu từ bệnh viện Kiên An. Qua hỏi và khám thấy:

- Tiền sử: Chưa mắc lao trước đây.

Bản thân: Không mắc các bệnh lý mạn tính.

Mổ cắt 1 phần dạ dày 8 năm trước.

Chưa phát hiện yếu tố dịch tễ Covid.

Gia đình: Chưa phát hiện ai mắc lao.

- Hội chứng nhiễm trùng, nhiễm độc:

+1) Gợi rét nhẹ về chiều, t° cao nhất ~ 38°C. Chán ăn, giảm 1 kg / 2 tuần.

+2) Da xanh, môi khô, lưỡi bẩn.

+3) BC 9.28 G/L (↓), NEU 78.5% ↑

- Hội chứng thiếu máu:

+1) Niêm mạc nhợt

+2) Hc 8.77 T/L (↓), Hb 10.2 g/dL (↓), Hct 3.3% (↓).

MCH 27 pg (↓), MCHC 30.8 g/dL (↓), MCV 89.6 fL (↓)

- Triệu chứng hô hấp:

+1) Ho khan, thỉnh thoảng. Tước ngực nhẹ vùng liên sườn cột sống.

+2) X-quang ngực thẳng: Hình ảnh đám mờ rải rác 2 phổi.

- Xét nghiệm lao: A.F.B. đàm (+)

Gen X-pert đàm: MTB (+) / RMP (-)

Quantiferon-TB (+)



2. Chẩn đoán xác định.....  
 .... Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học thể 1a & phổi  
 3. Chẩn đoán phân biệt.....  
 .... Không.....

#### IV. Điều trị.....

1. Nguyên tắc.....  
 .... - Dùng nguyên tắc điều trị lao, phác đồ 2.RHZE/4.RHB.  
 .... - Kháng sinh chống bội nhiễm.....

#### 2. Cụ thể.....

- ⑧ R.H. 2. 625 mg x 2 viên uống 9 h  
 E.M.B. 4 g x 2 viên uống 9 h  
 ⑨ Trikafool 2 g x 2 lọ TM 15 h - 9 h  
 ⑨ Clarithromycin 8.119 0.5 g x 2 viên uống 15 h - 9 h  
 .... - C.S. 2. Chai, sữa.....

#### VI. Tiên lượng và phòng bệnh.....

- .... - Gần 1 Trung bình.....  
 .... - Xa 1. Nguy cơ bỏ thuốc.....  
 .... Có thể điều trị khỏi.....